

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: **64**/2011/NQ-HĐND8

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày **09** tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số mức chi đặc thù
trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHOÁ VIII - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3452/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quy định một số mức chi đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

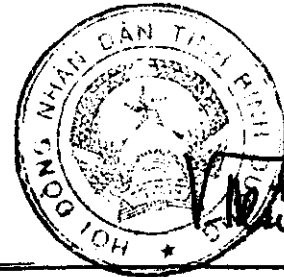
Điều 4. Bãi bỏ Nghị quyết số 39/2005/NQ-HĐND7 ngày 29 tháng 7 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về mức chi đối với các khoản chi đặc thù trong công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Minh Sang

Phụ lục
MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ,
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 64/2011/NQ-HĐND
 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra				
a	Chủ trì cuộc họp	người/buổi	150	100	
b	Các thành viên tham dự	người/buổi	100	60	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600	360	
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản khi phát hiện văn bản trái pháp luật	01 văn bản	100	60	
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
a	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	180	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	
b	Đối với các văn bản còn lại	01 văn bản	140	80	
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo				
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	120	
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (báo gồm cả báo cáo liên ngành và báo cáo của từng sở, ngành, huyện, thị xã)	01 báo cáo	1.000	600	
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500	900	
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng				Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản	01 văn bản	100	60	
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 văn bản	70	40	Không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
9	Đối với các khoản chi khác: làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm ...				Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí